

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101466968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/3/2004, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ 12 (mười hai) ngày 02/11/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 12 (mười hai) ngày 02/11/2023 là: 12.150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Petrolimex Engineering Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PEC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là PLE.

Trụ sở chính của Công ty: Số 149 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch
Ông Lương Quang Hiếu	Thành viên
Ông Phùng Ngọc Quang	Thành viên
Ông Hà Dương Thanh	Thành viên
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huê	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lương Quang Hiếu	Giám đốc
Ông Hà Dương Thanh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Công ty,



Lương Quang Hiếu
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Số: 143/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex, được lập ngày 12/3/2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Tiên

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN		MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		102.065.345.565	52.024.946.561
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.028.935.066	11.544.664.265
1.	Tiền	111		16.028.935.066	11.044.664.265
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	7.950.000.000
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	4.500.000.000	7.950.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.962.750.019	27.953.696.391
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	60.364.384.407	20.784.475.430
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.238.785.255	1.676.109.594
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	17.114.459.164	12.234.671.324
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.754.878.807)	(6.741.559.957)
IV.	Hàng tồn kho	140	5.7	6.573.660.480	4.532.020.506
1.	Hàng tồn kho	141		6.673.147.663	4.610.620.615
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(99.487.183)	(78.600.109)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	44.565.399
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	-	44.565.399
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+260)	200		8.900.364.347	8.567.970.569
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.608.000.000	1.608.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.608.000.000	1.608.000.000
II.	Tài sản cố định	220		7.292.364.347	6.724.674.611
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.692.364.347	3.124.674.611
-	Nguyên giá	222		10.852.539.591	9.657.623.638
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.160.175.244)	(6.532.949.027)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.600.000.000	3.600.000.000
-	Nguyên giá	228		3.739.181.700	3.739.181.700
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(139.181.700)	(139.181.700)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	235.295.958
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	-	235.295.958
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		270		110.965.709.912	60.592.917.130

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		90.069.030.039	40.839.372.493
I. Nợ ngắn hạn	310		90.069.030.039	40.839.372.493
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	35.920.846.084	2.761.735.462
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	13.890.471.760	17.010.022.657
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.746.052.505	1.498.889.247
4. Phải trả người lao động	314		3.512.683.835	4.642.226.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	17.930.496.777	836.527.589
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.822.859.319	3.528.970.430
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	8.826.352.728	10.018.324.317
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	3.702.223.710	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		87.524.824	87.524.824
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		629.518.497	455.151.519
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		20.896.679.873	19.753.544.637
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	20.896.679.873	19.753.544.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.150.000.000	12.150.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		12.150.000.000	12.150.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.374.889.659	7.374.889.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.371.790.214	228.654.978
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		1.371.790.214	228.654.978
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		110.965.709.912	60.592.917.130

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Giám đốc



Phạm Trọng Tĩnh

Vũ Thị Ngọc Thoa

Lương Quang Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	175.055.723.554	27.941.452.506
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		175.055.723.554	27.941.452.506
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	166.285.673.010	24.025.504.101
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.770.050.544	3.915.948.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	445.274.122	1.249.890.096
7. Chi phí tài chính	22	6.4	92.420.542	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		92.420.542	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.497.805.348	1.567.355.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.762.881.601	3.244.983.924
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		862.217.175	353.499.177
11. Thu nhập khác	31	6.6	974.592.949	5.454.788
12. Chi phí khác	32	6.6	10.032.357	163.992
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	964.560.592	5.290.796
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.826.777.767	358.789.973
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	454.987.553	130.134.995
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.371.790.214	228.654.978
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.129	-

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Giám đốc



Phạm Trọng Tĩnh



Vũ Thị Ngọc Thoa



Lương Quang Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.826.777.767	358.789.973
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		627.226.217	592.108.648
- Các khoản dự phòng	03		13.318.850	(455.243.891)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(8.415.810)	(6.993.325)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(436.858.312)	(1.242.896.771)
- Chi phí lãi vay	06		92.420.542	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.114.469.254	(754.235.366)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.264.053.517)	(5.157.400.203)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.041.639.974)	139.751.037
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		44.979.233.411	1.844.013.981
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		235.295.958	(235.295.958)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(62.921.382)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(130.309.266)	(346.391.972)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(34.632.000)	(444.727.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.204.557.516)	(4.954.285.905)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.194.915.953)	(45.200.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.500.000.000)	(8.050.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.950.000.000	18.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		723.104.750	982.167.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.978.188.797	10.936.967.957
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.682.223.710	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.980.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.154.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.702.223.710	(1.154.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.475.854.991	4.828.432.052
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.544.664.265	6.709.238.888
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.415.810	6.993.325
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	16.028.935.066	11.544.664.265

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập



Phạm Trọng Tĩnh

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán



Vũ Thị Ngọc Thoa



Giám đốc

Lương Quang Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101466968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/3/2004, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ 12 (mười hai) ngày 02/11/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần mười hai ngày 02/11/2023 là: 12.150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Petrolimex Engineering Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PEC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là PLE.

Trụ sở chính của Công ty: Số 149 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động Công ty tại ngày 31/12/2024 là 57 người (tại ngày 31/12/2023 là 57 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn khảo sát, thiết kế dự án;
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình hóa dầu, hóa chất, kho xăng, dầu, khí hóa lỏng;
- Thi công nhận diện thương hiệu, kinh doanh alumex;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Tư vấn, khảo sát, thiết kế dự án, thi công nhận diện thương hiệu, kinh doanh alumex và thi công xây dựng.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex - XN Dịch vụ kỹ thuật, xây lắp và thương mại	Thành phố Hà Nội
Chi nhánh phía Nam - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Petrolimex (TP Hà Nội)	TP. Hồ Chí Minh

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền. một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao chi tiết như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy vi tính	05 - 08
Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 81, đường 47, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Không trích khấu hao

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là các chi phí bảo hành công trình.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, bán hàng và xây lắp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính là Tư vấn, khảo sát, thiết kế dự án và thi công xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.142.726.642	730.317.809
Tiền gửi ngân hàng	14.886.208.424	10.314.346.456
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng</i>	-	500.000.000
Tổng	16.028.935.066	11.544.664.265

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	4.500.000.000	4.500.000.000	7.950.000.000	7.950.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.500.000.000	4.500.000.000	7.950.000.000	7.950.000.000
Tổng	4.500.000.000	4.500.000.000	7.950.000.000	7.950.000.000

Đơn vị tính: VND

(*) Bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 - 12 tháng với lãi suất từ 4,3% - 5,1%/năm.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	60.364.384.407	20.784.475.430
Công ty xăng dầu Tiền Giang	3.103.681.370	1.300.000
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	2.003.279.543	1.924.179.543
Các khách hàng khác	55.257.423.494	18.858.995.887
Tổng	60.364.384.407	20.784.475.430
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>40.550.808.633</i>	<i>3.377.562.283</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	4.238.785.255	1.676.109.594
Công ty CP công nghệ an toàn Việt Nam (VNS)	131.250.000	262.500.000
Trung tâm ứng phó sự cố và an toàn hóa chất	298.800.000	199.200.000
Công ty cổ phần Xây dựng Reco	652.960.000	159.250.000
Công ty TNHH TV và DV Thành Công Việt Nam	222.000.000	222.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Cảng biển Việt Nam	217.452.950	217.452.950
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Tuấn Linh	1.267.379.960	-
Coong ty CP đầu tư và Thương mại Hương Anh	451.314.896	-
Các khách hàng khác	997.627.449	615.706.644
Tổng	4.238.785.255	1.676.109.594
<i>Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>15.572.544</i>	<i>15.572.544</i>

5.5 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	17.114.459.164	-	12.234.671.324	-
Tạm ứng	4.393.636.160	-	2.817.017.445	-
Phải thu khác	12.645.339.701	-	9.417.653.879	-
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh (*)</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Lãi dự thu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>286.246.438</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>5.645.339.701</i>	<i>-</i>	<i>2.131.407.441</i>	<i>-</i>
Dài hạn	1.608.000.000	-	1.608.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An (**)	1.608.000.000	-	1.608.000.000	-
Tổng	18.722.459.164	-	13.842.671.324	-

(*): Khoản đặt cọc của Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trang An ký ngày 06/5/2017. Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn (tài khoản phong tỏa) tại ngân hàng, toàn bộ số lãi phát sinh sẽ được hoàn trả cho Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An.

(**): Giá trị phần tài sản trên đất do Công ty góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trang An ký ngày 06/5/2017 để thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ ở tại số 149 Trường Chinh, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội. Trong trường hợp hợp đồng chấm dứt trước thời hạn (do các bên thỏa thuận; Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An không có văn bản chấp thuận chủ trương; cơ quan nhà nước có văn bản từ chối các bên được hợp tác đầu thực hiện dự án; khu đất và tài sản trên đất bị trưng mua) thì Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An phải thanh toán chi phí tài chính hoặc xây dựng và hoàn trả diện tích văn phòng cho Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex với điều kiện tương đương.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	7.009.301.100	(6.624.546.263)	384.754.837	7.109.301.100	(6.611.227.413)	498.073.687
Công ty Cổ phần Kho cảng và xây dựng Hàng không Miền Nam	1.177.000.000	(1.177.000.000)	-	1.177.000.000	(1.177.000.000)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.924.178.543	(1.924.178.543)	-	1.924.178.543	(1.924.178.543)	-
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ kho ngoại quan Cần Thơ	523.883.000	(523.883.000)	-	523.883.000	(523.883.000)	-
Các đối tượng khác	3.384.239.557	(2.999.484.720)	384.754.837	3.484.239.557	(2.986.165.870)	498.073.687
- Trả trước cho người bán	130.332.544	(130.332.544)	-	130.332.544	(130.332.544)	-
Tổng	7.139.633.644	(6.754.878.807)	384.754.837	7.239.633.644	(6.741.559.957)	498.073.687

5.7 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.239.857.999	-	3.810.629.243	-
Hàng hóa	1.433.289.664	(99.487.183)	799.991.372	(78.600.109)
Tổng	6.673.147.663	(99.487.183)	4.610.620.615	(78.600.109)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	4.951.107.300	423.256.163	4.238.060.175	45.200.000	9.657.623.638
Tăng trong năm	-	196.000.000	998.915.953	-	1.194.915.953
Mua trong năm	-	196.000.000	998.915.953	-	1.194.915.953
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	4.951.107.300	619.256.163	5.236.976.128	45.200.000	10.852.539.591
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	2.615.242.400	383.778.415	3.533.928.212	-	6.532.949.027
Tăng trong năm	196.044.288	39.385.637	382.756.292	9.040.000	627.226.217
Khấu hao trong năm	196.044.288	39.385.637	382.756.292	9.040.000	627.226.217
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	2.811.286.688	423.164.052	3.916.684.504	9.040.000	7.160.175.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	2.335.864.900	39.477.748	704.131.963	45.200.000	3.124.674.611
Tại 31/12/2024	2.139.820.612	196.092.111	1.320.291.624	36.160.000	3.692.364.347

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 2.104.600.780 VND (tại ngày 01/01/2024 là 2.600.462.232 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.179.270.765 VND (tại ngày 01/01/2024 là 888.369.065 VND).

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	3.600.000.000	139.181.700	3.739.181.700
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	3.600.000.000	139.181.700	3.739.181.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024	-	139.181.700	139.181.700
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	-	139.181.700	139.181.700
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	3.600.000.000	-	3.600.000.000
Tại 31/12/2024	3.600.000.000	-	3.600.000.000

Quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty đất lâu dài tại số 81, đường 47, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 139.181.700 VND (tại ngày 31/12/2023 là: 139.181.700 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	-	235.295.958
Công cụ dụng cụ	-	235.295.958
Tổng	-	235.295.958

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2024		01/01/2024	
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	35.920.846.084	35.920.846.084	2.761.735.462	2.761.735.462
Công ty TNHH TM dịch vụ Mộc Nhiên	25.531.850	25.531.850	358.637.000	358.637.000
Công ty CP Xây lắp 1	-	-	630.217.500	630.217.500
Công ty TNHH Đức Mạnh Phú Thọ	262.671.600	262.671.600	262.671.600	262.671.600
Công ty TNHH MTV Loan Nguyễn	269.658.720	269.658.720	269.658.720	269.658.720
Công ty TNHH TM Gia Phát AD	7.238.804.029	7.238.804.029	-	-
Công ty TNHH TMDV Quảng cáo Vỹ Tâm	9.970.309.200	9.970.309.200	-	-
Công ty Cổ phần Top American Việt Nam	5.263.446.160	5.263.446.160	-	-
Các khách hàng khác	12.890.424.525	12.890.424.525	1.240.550.642	1.240.550.642
Tổng	35.920.846.084	35.920.846.084	2.761.735.462	2.761.735.462
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>2.253.042.442</i>	<i>2.253.042.442</i>	-	-

5.12 Người mua trả tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	13.890.471.760	17.010.022.657
Công ty TNHH Nhựa Long Vương	-	2.534.616.000
Công ty cổ phần Tổng kho xăng dầu Phú Hữu	1.593.600.000	1.593.600.000
Các khách hàng khác	12.296.871.760	12.881.806.657
Tổng	13.890.471.760	17.010.022.657
<i>Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.438.249.306</i>	<i>901.501.525</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	1.498.889.247	5.161.071.709	4.913.908.451	1.746.052.505
Thuế giá trị gia tăng	1.498.714.977	2.967.771.062	3.065.789.393	1.400.696.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.270	454.987.553	130.309.266	324.852.557
Thuế thu nhập cá nhân	-	682.391.388	661.888.086	20.503.302
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.050.921.706	1.050.921.706	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phải thu	44.565.399	44.565.399	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	44.565.399	44.565.399	-	-

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	17.930.496.777	836.527.589
Chi phí trích trước các công trình	17.900.997.617	836.527.589
Chi phí lãi vay	29.499.160	-
Tổng	17.930.496.777	836.527.589

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	8.826.352.728	10.018.324.317
Kinh phí công đoàn	873.942.405	943.067.649
Công ty cổ phần Thương mại đô thị Trảng An (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần Thương mại đô thị Trảng An (tiền lãi ký quỹ)	2.188.414	2.188.414
Các khoản phải trả khác	950.221.909	2.073.068.254
Tổng	8.826.352.728	10.018.324.317

*Trong đó: phải trả các bên liên quan,
(chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)***80.394.000****80.394.000**

(*): Giá trị Công ty nhận đặt cọc của Công ty Cổ phần Thương mại Đô thị Trảng An để đảm bảo thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ ở tại số 149 Trường Chinh, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vay và nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3.702.223.710	3.702.223.710	5.682.223.710	1.980.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu (1)	3.702.223.710	3.702.223.710	5.682.223.710	1.980.000.000	-	-
Tổng	3.702.223.710	3.702.223.710	5.682.223.710	1.980.000.000	-	-

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số TNN.DN.2821.270924 ngày 01/10/2024 ký giữa Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex. Hạn mức cấp tín dụng: 33.500.000.000 đồng; Hạn mức cho vay: 16.500.000.000 đồng. Mục đích vay: Hạn mức tín dụng bổ sung vốn lưu động thế chấp bất động sản, phát hành các loại bảo lãnh. Thời hạn cấp HMTD: kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến ngày 09/05/2025. Lãi suất vay: được quy định trong từng Khế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp bất động sản tại 81 Đường số 47, Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 18.316.400.000 đồng.

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	12.150.000.000	7.374.889.659	1.598.439.498	21.123.329.157
Lãi trong năm trước	-	-	228.654.978	228.654.978
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng BDH Công ty	-	-	(444.189.498)	(444.189.498)
Chia trả cổ tức	-	-	(1.154.250.000)	(1.154.250.000)
Số dư tại 31/12/2023	12.150.000.000	7.374.889.659	228.654.978	19.753.544.637
Số dư tại 01/01/2024	12.150.000.000	7.374.889.659	228.654.978	19.753.544.637
Lãi trong năm nay	-	-	1.371.790.214	1.371.790.214
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(228.654.978)	(228.654.978)
Số dư tại 31/12/2024	12.150.000.000	7.374.889.659	1.371.790.214	20.896.679.873

(*) Theo Nghị quyết số 006/PEC-NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phân phối như sau: Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi: 228.654.978 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	6.196.500.000	6.196.500.000
Các Cổ đông khác	5.953.500.000	5.953.500.000
Tổng	12.150.000.000	12.150.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	12.150.000.000	12.150.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	12.150.000.000	12.150.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.154.250.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.215.000	1.215.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.215.000	1.215.000
Cổ phiếu phổ thông	1.215.000	1.215.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.215.000	1.215.000
Cổ phiếu phổ thông	1.215.000	1.215.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.18 Chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024		01/01/2024	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng	7.110,94	179.860.573	7.110,94	171.444.763
Tổng		179.860.573		171.444.763

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn; thi công biên nhận diện thương hiệu và bán hàng hoá	175.055.723.554	27.941.452.506
Tổng	175.055.723.554	27.941.452.506
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>153.754.447.884</i>	<i>6.988.825.200</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hoạt động tư vấn; thi công biên nhận diện thương hiệu và bán hàng hoá	166.285.673.010	24.025.504.101
Tổng	166.285.673.010	24.025.504.101

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	436.858.312	1.242.896.771
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	8.415.810	6.993.325
Tổng	445.274.122	1.249.890.096

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	92.420.542	-
Tổng	92.420.542	-

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí bán hàng	3.497.805.348	1.567.355.400
Chi phí môi giới	3.311.920.000	1.514.322.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	185.885.348	53.033.400
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.762.881.601	3.244.983.924
Chi phí nhân viên quản lý	1.406.400.000	1.435.742.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.040.000	-
Thuế phí và lệ phí	1.056.732.026	956.643.737
Chi phí dự phòng	13.318.850	(455.243.891)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.557.125.600	713.091.351
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	720.265.125	594.750.000
Tổng	8.260.686.949	4.812.339.324

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Hỗ trợ vận chuyển, tiếp thị	974.592.869	-
Thu nhập khác	80	5.454.788
Tổng	974.592.949	5.454.788
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế	10.032.357	115.200
Chi phí khác	-	48.792
Tổng	10.032.357	163.992
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	964.560.592	5.290.796

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.826.777.767	358.789.973
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	448.160.000	291.885.000
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô (phần khấu hao vượt 1,6 tỷ)</i>	<i>103.760.000</i>	<i>103.760.000</i>
<i>Thù lao HĐQT+BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>344.400.000</i>	<i>188.125.000</i>
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>10.032.357</i>	
Thu nhập chịu thuế	2.274.937.767	650.674.973
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	454.987.553	130.134.995

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.371.790.214	228.654.978
Các khoản điều chỉnh	-	(228.654.978)
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành (*)</i>	<i>-</i>	<i>(228.654.978)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.371.790.214	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.215.000	1.215.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.129	-

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 trình bày lại do trong năm 2024 công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 006/PEC-NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty: Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi: 228.654.978 VND. Do đó, việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trừ đi số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 từ 188 VND/cổ phiếu xuống còn 0 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2023 VND (Trình bày lại)	Năm 2023 VND (Đã trình bày)	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	228.654.978	228.654.978	-
Các khoản điều chỉnh	(228.654.978)	-	(228.654.978)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành (*)	(228.654.978)	-	(228.654.978)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	228.654.978	(228.654.978)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.215.000	1.215.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	-	188	(188)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.169.117.764	1.219.457.242
Chi phí nhân công	19.564.577.307	15.608.850.557
Chi phí khấu hao	627.226.217	592.108.648
Chi phí dự phòng	13.318.850	(455.243.891)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.008.449.786	5.997.912.597
Chi phí khác bằng tiền	11.358.225.098	6.139.148.302
Tổng	141.740.915.022	29.102.233.455

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan:**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (PLAND)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (PECO)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (PITCO)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Công ty cùng hệ thống
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng Công ty mẹ
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương và thù lao của HDQT, BGD, BKS và người quản lý khác	Lương và thù lao	2.273.695.019	2.117.105.878

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
HDQT và Ban Giám đốc		1.603.462.727	1.552.890.000
Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch	129.600.000	58.060.000
Ông Dương Đức Toàn	Chủ tịch (Miễn nhiệm Chủ tịch HDQT ngày 01/7/2023, đến ngày 15/9/2023 miễn nhiệm Thành viên HDQT)	-	257.950.000
Ông Lương Quang Hiếu	Thành viên HDQT Giám đốc	516.000.000	82.909.091
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HDQT (Miễn nhiệm ngày 28/12/2023) Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25/10/2023)	-	387.223.636
Ông Phùng Ngọc Quang	Thành viên HDQT	82.800.000	19.880.000
Ông Hà Dương Thanh	Thành viên HDQT, Phó Giám đốc	414.000.000	344.350.000
Ông Vũ Cường	Thành viên HDQT (Miễn nhiệm ngày 04/4/2023)	-	21.490.000
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên HDQT	461.062.727	381.027.273
Ban Kiểm soát		431.793.400	385.588.844
Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban	82.800.000	60.260.000
Vũ Thị Ngọc Thoa	Trưởng ban (Miễn nhiệm 14/4/2023)	-	63.000.000
Trần Duy Tùng	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 14/4/2023; miễn nhiệm ngày 15/9/2023)	-	16.500.000
Nguyễn Thành Bình	Thành viên	49.200.000	11.935.000
Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên	299.793.400	233.893.844
Người được ủy quyền công bố thông tin		238.438.892	178.627.034
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Miễn nhiệm ngày 21/11/2023	-	151.731.579
Ông Phạm Trọng Tĩnh	Bỏ nhiệm ngày 21/11/2023	238.438.892	26.895.455
Tổng		2.273.695.019	2.117.105.878

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		40.550.808.633	3.377.562.283
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng Tập đoàn	2.281.320.644	1.014.174.980
Công ty xăng dầu Yên Bái	Cùng Tập đoàn	53.151.327	20.900.900
Công ty xăng dầu Bắc Thái	Cùng Tập đoàn	49.037.100	9.150.000
Công ty xăng dầu KV1	Cùng Tập đoàn	206.112.371	5.000.000
Công ty xăng dầu Nghệ An	Cùng Tập đoàn	289.104.227	103.047.727
Công ty xăng dầu Thanh Hóa	Cùng Tập đoàn	333.279.066	65.000.000
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng Tập đoàn	222.134.701	14.137.800
Chi nhánh Xăng dầu Hoà Bình	Cùng Tập đoàn	3.038.893.848	6.658.300
Công ty xăng dầu Thái Bình	Cùng Tập đoàn	8.321.175	6.383.129
Công ty xăng dầu B12	Cùng Tập đoàn	1.551.361	1.551.364
Xí nghiệp kho vận XD K130	Cùng Tập đoàn	796.359.121	748.299.029
Công ty xăng dầu Tây Ninh	Cùng Tập đoàn	10.841.740	9.660.000
Công ty xăng dầu Long An	Cùng Tập đoàn	997.362.868	11.836.703
Công ty xăng dầu KVII - TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	4.198.920.065	22.537.813
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Cùng Tập đoàn	5.771.906.314	25.025.829
Tổng kho xăng dầu Đức Giang	Cùng Tập đoàn	56.186.497	51.341.890
Công ty xăng dầu Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	-	8.087.472
Công ty xăng dầu Vĩnh Long	Cùng Tập đoàn	3.103.681.370	1.300.000
Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Tập đoàn	1.334.202.395	86.786.113
Công ty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng Tập đoàn	-	16.831.420
Văn phòng Công ty Xăng dầu Trà Vinh	Cùng Tập đoàn	87.500.000	217.861.839
XN cơ khí và xây lắp xăng dầu-Công ty Cổ phần Thiết bị xăng dầu Petrolimex	Cùng công ty mẹ	15.535.089	310.701.775
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lai Châu	Cùng Tập đoàn	8.185.700	8.185.700
Văn phòng Công ty Xăng dầu Điện Biên	Cùng Tập đoàn	866.154.075	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Cùng Tập đoàn	66.303.479	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Cùng Tập đoàn	2.722.564.290	-
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	Cùng Tập đoàn	468.160.286	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Cùng Tập đoàn	153.595.408	-
Xí nghiệp xăng dầu K133	Cùng Tập đoàn	148.816.308	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu KV3	Cùng Tập đoàn	49.989.068	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Vĩnh Phúc	Cùng Tập đoàn	171.385.814	-
		658.809.021	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)*Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)*

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Văn phòng Công ty Xăng dầu Bắc Ninh	Cùng Tập đoàn	623.142.550	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Sơn La	Cùng Tập đoàn	2.262.545.151	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Hải Dương	Cùng Tập đoàn	707.825.180	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Hưng Yên	Cùng Tập đoàn	713.620.613	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Cùng Tập đoàn	2.475.166.776	-
Văn phòng công ty Xăng dầu KV5	Cùng Tập đoàn	4.907.523.795	-
Văn phòng công ty Xăng dầu Phú Khánh	Cùng Tập đoàn	96.583.883	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Sông Bé-TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	18.123.574	-
Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	Cùng Tập đoàn	83.194.415	-
Công ty LD TNHH kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	Cùng Tập đoàn	118.800.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ xây dựng Petrolimex	Cùng Tập đoàn	374.917.968	613.102.500
Trả trước cho người bán		15.572.544	15.572.544
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Tập đoàn	15.572.544	15.572.544
Phải trả người bán		2.253.042.442	-
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Tập đoàn	2.253.042.442	-
Người mua trả tiền trước		1.438.249.306	901.501.525
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	Cùng Tập đoàn	-	20.400.000
Công ty CP Hóa dầu Petrolimex	Cùng Tập đoàn	85.961.530	318.941.530
Công ty TNHH nhựa đường	Cùng Tập đoàn	-	205.666.304
Công ty xăng dầu Bến Tre	Cùng Tập đoàn	8.557.000	8.557.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	932.197.200	122.727.000
Công ty TNHH MTV xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn	180.667.691	211.267.691
Chi nhánh xăng dầu Hà Nam	Cùng Tập đoàn	13.942.000	13.942.000
Văn phòng Công ty Xăng dầu An Giang	Cùng Tập đoàn	94.607.926	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Tập đoàn	122.315.959	-
Phải trả khác		80.394.000	80.394.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	80.394.000	80.394.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng		153.754.447.884	6.988.825.200
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	903.703.704	612.037.037
Công ty Xăng dầu Khu vực II TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	7.246.079.579	253.027.273
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng Dầu	Cùng Tập đoàn	787.343.249	169.090.909
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Cùng Tập đoàn	351.184.934	279.054.895
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	Cùng Tập đoàn	876.396.701	22.288.005
Công ty xăng dầu B12	Cùng Tập đoàn	729.650.244	607.975.891
Xí nghiệp kho vận Xăng dầu K130	Cùng Tập đoàn	128.445.357	123.370.988
Công ty xăng dầu Hà Bắc	Cùng Tập đoàn	4.555.333.550	107.662.727
Chi nhánh xăng dầu Hưng Yên	Cùng Tập đoàn	853.202.321	242.336.371
Cửa hàng xăng dầu Lạng Sơn	Cùng Tập đoàn	5.269.333.249	236.897.828
Tổng kho xăng dầu Đức Giang	Cùng Tập đoàn	-	74.884.000
Xí nghiệp xăng dầu K133	Cùng Tập đoàn	160.853.000	83.000.000
Cửa hàng xăng dầu Hà Nam	Cùng Tập đoàn	81.599.813	198.921.567
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Cùng Tập đoàn	458.845.146	57.345.907
Cửa hàng xăng dầu Thanh Hóa	Cùng Tập đoàn	726.974.926	59.090.909
Cửa hàng xăng dầu Nghệ An	Cùng Tập đoàn	965.997.887	189.939.298
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Tập đoàn	-	398.682.654
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng tàu	Cùng Tập đoàn	210.836.861	287.643.324
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Cùng Tập đoàn	28.759.153.380	186.384.438
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	Cùng Tập đoàn	-	380.486.261
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bến Tre	Cùng Tập đoàn	5.604.176	245.941.153
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng Tập đoàn	3.879.997.826	235.111.729
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Cùng Tập đoàn	7.027.111.588	520.462.974
Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	Cùng Tập đoàn	1.710.963.827	4.530.431
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Cùng Tập đoàn	60.752.163	143.831.436
Công ty xăng dầu Long An	Cùng Tập đoàn	16.010.527.716	72.597.775
Công ty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng Tập đoàn	106.944.444	971.247.939
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	Cùng Tập đoàn	313.148.148	224.981.481
Công ty TNHH MTVXD Lai Châu	Cùng Tập đoàn	9.143.805.428	-
Công ty Xăng dầu Điện Biên	Cùng Tập đoàn	129.189.000	-
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	Cùng Tập đoàn	6.790.027.835	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Giao dịch	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Xăng dầu Yên Bái	Cùng Tập đoàn	88.616.000	-
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Cùng Tập đoàn	36.261.000	-
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	Cùng Tập đoàn	1.155.208.371	-
Văn phòng Công ty xăng dầu KV1	Cùng Tập đoàn	868.441.777	-
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng Tập đoàn	4.503.190.366	-
Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	1.845.820.454	-
Chi nhánh xăng dầu Sơn La	Cùng Tập đoàn	3.105.579.481	-
Công ty Xăng dầu Thái Bình	Cùng Tập đoàn	432.394.694	-
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	8.752.000	-
Xí nghiệp xăng dầu Quảng Ninh	Cùng Tập đoàn	155.191.000	-
Công ty Xăng dầu Vĩnh Phúc	Cùng Tập đoàn	2.198.357.145	-
Công ty Xăng dầu Bắc Ninh	Cùng Tập đoàn	5.163.303.221	-
Công ty Xăng dầu Hải Dương	Cùng Tập đoàn	990.045.228	-
Công ty Xăng dầu Quảng Nam	Cùng Tập đoàn	1.684.814.445	-
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Cùng Tập đoàn	3.543.487.756	-
Văn phòng công ty Xăng dầu KV5	Cùng Tập đoàn	6.477.888.378	-
Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn	4.653.642.304	-
Công ty Xăng dầu Bình Định	Cùng Tập đoàn	365.758.238	-
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Cùng Tập đoàn	200.758.364	-
Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	Cùng Tập đoàn	117.657.496	-
công ty Xăng dầu Phú Khánh	Cùng Tập đoàn	260.483.778	-
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Cùng Tập đoàn	216.530.339	-
Công ty Xăng dầu Sông Bé -TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	711.779.334	-
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	3.953.261.547	-
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Cùng Tập đoàn	10.780.025.508	-
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Tập đoàn	196.623.940	-
TCT Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng Tập đoàn	428.414.142	-
Công ty LD TNHH kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	Cùng Tập đoàn	183.333.333	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ xây dựng Petrolimex	Cùng Tập đoàn	1.185.822.193	-
Mua hàng		6.494.679.036	45.000.000
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng Tập đoàn	-	45.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Tập đoàn	6.494.679.036	-
Chi trả cổ tức			588.667.500
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolime	Công ty mẹ	-	588.667.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập

**Trưởng phòng
Tài chính Kế toán**

Giám đốc



Phạm Trọng Tĩnh

Vũ Thị Ngọc Thoa

Lương Quang Hiếu

